

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000364082 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Thông báo chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 303/TB-SGDHN do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 12/04/2010)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510. 3811811

Fax: 0510.3811999

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Trần Hoài Thanh

Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: 0510.3811811

Fax: 0510.3811999

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000364082 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2002, đăng ký
thay đổi lần thứ 14 ngày 01/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp)*

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Tổng số lượng đăng ký giao dịch: 1.500.000 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký giao dịch : 15.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên tổ chức : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Địa chỉ : Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng
Điện thoại : 0511.3655886
Fax : 0511.3655887
Email : aac@dng.vnn.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1.	Rủi ro về kinh tế	3
2.	Rủi ro về pháp luật	3
3.	Rủi ro đặc thù nghề nghiệp	3
4.	Rủi ro biến động giá	4
5.	Rủi ro khác	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	4
1.	Tổ chức đăng ký giao dịch	4
III.	CÁC KHÁI NIỆM	4
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	5
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	5
1.1.	Giới thiệu về Công ty	5
1.2.	Lịch sử hình thành và phát triển	6
1.3.	Tầm nhìn và sứ mệnh	8
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	8
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	9
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty;	18
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	19
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch: --	20
6.	Hoạt động kinh doanh:	20
6.1.	Các sản phẩm dịch vụ của Công ty	20
6.2.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	21
6.3.	Nguyên vật liệu	21
6.4.	Chi phí sản xuất	22
6.5.	Trình độ công nghệ	23
6.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	23
6.7.	Hoạt động Marketing	24
6.8.	Nhãn hiệu thương mại. đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền	25
6.9.	Các Hợp đồng lớn đang và đã được thực hiện hoặc đã được ký kết	25
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất:	27
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm liền trước năm đăng ký giao dịch:	27
7.2.	Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	28
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:	29
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành:	29
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành	30



8.3.	Định hướng phát triển của công ty	30
8.4.	Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	32
9.	Chính sách đối với người lao động:	32
9.1.	Số người lao động trong Công ty	32
9.2.	Các chính sách đối với người lao động	32
9.2.1.	Chế độ làm việc	32
9.2.2.	Chính sách tuyển dụng, đào tạo	33
9.2.3.	Chính sách tiền lương	33
9.2.4.	Chính sách tiền thưởng	34
9.2.5.	Chính sách phúc lợi	34
10.	Chính sách cổ tức	34
11.	Tình hình hoạt động tài chính:	35
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	35
11.1.1.	Trích khấu hao TSCĐ	35
11.1.2.	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	35
11.1.3.	Các khoản phải nộp theo luật định	35
11.1.4.	Trích lập các quỹ theo luật định	36
11.1.5.	Tổng dư nợ vay	36
11.1.6.	Tình hình công nợ hiện nay	36
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:	38
12.1.	Hội đồng quản trị:	38
12.2.	Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	41
12.3.	Ban Kiểm soát	43
13.	Tài sản:	46
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:	46
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:	48
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký giao dịch:	48
V.	CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	48
1.	Loại chứng khoán:	48
2.	Mệnh giá:	49
3.	Tổng số chứng khoán ĐKGD:	49
4.	Phương pháp tính giá:	49
5.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	50
6.	Các loại thuế có liên quan:	50
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	52
2.	Tổ chức kiểm toán:	52
VII.	PHỤ LỤC	52
1.	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ GCNĐKKD	52
2.	Phụ lục II: Điều lệ Công ty	52
3.	Phụ lục III: BCTC được kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý I/2014	52

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng lớn đến nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Nó trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường xây dựng. Sự tăng trưởng hoặc giảm sút của tốc độ phát triển kinh tế sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến sự tăng giảm của thị trường bưu chính viễn thông từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Công ty. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP năm năm 2012 là 5,03% và năm 2013 đạt 5,4% (Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam). Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có thể tạm thời chững lại gây ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia, những khó khăn của nền kinh tế sẽ sớm được khắc phục, kinh tế thế giới và Việt Nam sẽ sớm phục hồi trong năm 2014 và có tăng trưởng ổn định trong những năm tiếp theo. Niềm tin lạc quan về sự phát triển của nền kinh tế sẽ là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh trong lĩnh vực viễn thông. Với tốc độ tăng trưởng này, Việt Nam sẽ có nhiều dự án đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng mạng viễn thông. Vậy, với tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay, có thể thấy rằng rủi ro về kinh tế không phải là rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty

2. Rủi ro về pháp luật

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và khả năng thực thi chưa cao. Ngoài ra, các văn bản pháp luật liên quan đến chính sách về thuế, môi trường... thường xuyên phải điều chỉnh đã gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh.

Việc thay đổi luật pháp dẫn đến kết quả của sự thay đổi thủ tục hành chính sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tính khả thi cũng như tiến độ thực hiện dự án của Công ty. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo môi trường thông thoáng và đơn giản hoá các thủ tục hành chính để đảm bảo phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tốt nhất, do đó rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù nghề nghiệp

Trong hoạt động xây lắp, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay, việc giải ngân vốn thường chậm. quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các Công ty xây lắp nói chung và Công ty Cổ phần Xây Lắp và Phát Triển Dịch Vụ Bưu Điện Quảng Nam nói riêng, đặc biệt là các khoản công nợ phải thu.

Bên cạnh đó, giá cả các yếu tố đầu vào có xu hướng tăng làm ảnh hưởng đến chi phí của Công ty, giảm lợi nhuận. Tuy nhiên Công ty cũng có nhiều thuận lợi là đã có uy tín trong ngành xây lắp và dịch vụ bưu điện, kinh nghiệm trong đấu thầu và đông đảo khách hàng truyền thống nên việc đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra là khả thi.

4. Rủi ro biến động giá

Biến động về tỷ lệ lạm phát có thể ảnh hưởng đến nhu cầu xây dựng cũng như các nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA) của nước ngoài cho việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt Nam. Hiện tại, nền kinh tế đang trong tình trạng giá cả tăng cao, giá các yếu tố đầu vào cho sản xuất tăng cao làm giá thành công trình cao, dẫn đến khó khăn trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Trong lĩnh vực xây lắp bưu điện, nguyên vật liệu đầu vào chiếm một tỷ trọng tương đối cao, nhiều loại nguyên vật liệu phải nhập khẩu, do vậy hoạt động của Công ty phần nào chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các loại ngoại tệ.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch:

Ông: Nguyễn Việt Hà	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Trần Hoài Thanh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Hoài Nhân	Chức vụ: Phụ trách Kế toán
Ông: Phạm Ngọc Hiệp	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty Công ty Cổ phần Xây Lắp & Phát Triển Dịch Vụ Bưu Điện Quảng Nam
- Tổ chức đăng ký giao dịch Công ty Cổ phần Xây Lắp & Phát Triển Dịch Vụ Bưu Điện Quảng Nam
- QTC Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Xây Lắp & Phát Triển Dịch Vụ Bưu Điện Quảng Nam
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Hội đồng quản trị

- BKS	Ban kiểm soát
- BTGD	Ban Tổng Giám đốc
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
- UBCKNN	Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- SXKD	Sản xuất kinh doanh
- TKKT	Thiết kế kỹ thuật
- TKKTTC	Thiết kế kỹ thuật thi công
- TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ	Tài sản cố định


IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu về Công ty

- ❖ Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM
- ❖ Tên tiếng anh: QUANGNAM POST-TELECOMS CONSTRUCTION AND SERVICES CORPORATION
- ❖ Tên viết tắt: QTC
- ❖ Mã chứng khoán: QCC



- ❖ Biểu tượng công ty: 
- ❖ Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
- ❖ Trụ sở chính: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thanh, Tp Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- ❖ Điện thoại: 0510.3811811
- ❖ Fax: 0510.3811999
- ❖ Email: ceo@qtc.com.vn
- ❖ Website: <http://www.qtc.vn>
- ❖ Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 20 tháng 03 năm 2008.
- ❖ Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4000364082 đăng ký lần đầu, ngày 25 tháng 01 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 04 năm 2014.
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:
 - Thi công các công trình xây lắp bưu chính- viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình.
 - Dịch vụ đo kiểm viễn thông

- Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất
 - Sản xuất sản phẩm cốt bê tông ly tâm, cấu kiện bê tông
 - Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
 - Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, các thiết bị viễn thông tin học
 - Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh
- ❖ Tài khoản tiền: Tài khoản tiền Việt Nam Đồng số 56210000002491 mở tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Quảng Nam.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Năm 2002:

- ✓ Ngày 25/01/2002, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (QTC) được thành lập.
- ✓ Ngày 26/02/2002, Chi nhánh Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng được thành lập.

Năm 2003:

- ✓ Ngày 23/9/2003, Xí nghiệp Xây lắp và Sản xuất vật liệu Bưu điện trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được thành lập.
- ✓ Ngày 08/10/2003 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 3,5 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng.

Năm 2006:

- ✓ Ngày 17/4/2006, Đổi tên Xí nghiệp Xây lắp và Sản xuất vật liệu Bưu điện trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam thành Xí nghiệp QTC I trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✓ Ngày 17/4/2006, Xí nghiệp QTC III - Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Quảng Ngãi được thành lập.
- ✓ Ngày 21/4/2006, Xí nghiệp QTC II - Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng được thành lập.
- ✓ Ngày 25/05/2006 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 5 tỷ đồng lên 7 tỷ đồng.

Năm 2007:

- ✓ Ngày 05/4/2007, Xí nghiệp Xây lắp và Sản xuất vật liệu Bưu điện trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được thành lập.
- ✓ Ngày 24/05/2007 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 7 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.
- ✓ Ngày 01/6/2007, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Xí nghiệp QTC II - Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng.
- ✓ Ngày 01/6/2007, Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được thành lập

- ✓ Ngày 18/6/2007, Chi nhánh Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại tỉnh Khánh Hòa được thành lập.
- 📅 Năm 2008:
Ngày 18/01/2008, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được Cục sở hữu trí tuệ chứng nhận nhãn hiệu được bảo hộ Logo “QTC”.
- 📅 Năm 2009:
 - ✓ Ngày 19/6/2009, Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng được thành lập.
 - ✓ Ngày 28/4/2009, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
 - ✓ Ngày 08/5/2009, Phòng đo kiểm viễn thông thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được thành lập.
 - ✓ Ngày 01/7/2009, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng.
- 📅 Năm 2010:
 - ✓ Ngày 06/10/2010, Mã cổ phiếu (QCC) của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội (HNX).
 - ✓ Ngày 15/10/2010, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại Đà Nẵng.
- 📅 Năm 2011:
Ngày 28/12/2011, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Xí nghiệp QTC I, Xí nghiệp QTC III trực thuộc Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- 📅 Năm 2012:
Ngày 28/12/2012, tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam và giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại tỉnh Khánh Hòa.
Với quyết tâm đưa thương hiệu của Công ty QTC trở lại thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần xây lắp và phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam cam kết thực hiện:
 - Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng cao và giá cả cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu và sự mong đợi của khách hàng.
 - Sự thành công, hài lòng của khách hàng là thước đo đánh giá uy tín và hiệu quả của Công ty.
 - Chuyên nghiệp hoá hoạt động của Công ty: nhân lực, quản lý điều hành, tiếp thị kinh doanh, bán hàng, cung cấp dịch vụ, hậu mãi... gắn liền lợi ích của Công ty với lợi ích của khách hàng.

- ✓ Ngày 22/9/2010, Sở GDCK Hà Nội có Quyết định số: 661/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty (mã cổ phiếu là QCC). Ngày 06/10/2010 cổ phiếu QCC chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội (HNX) theo Thông báo số 906/TB-SGDHN ngày 29/09/2010.
- ✓ Ngày 29/04/2014, Sở GDCK Hà Nội có Quyết định số: 212/QĐ-SGDHN về việc hủy niêm yết cổ phiếu QCC do Tổ chức kiểm toán có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính năm 2013 của công ty, thuộc diện hủy niêm yết theo qui định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.
- ✓ Ngày 26/05/2014, cổ phiếu QCC chính thức hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1.3. Tầm nhìn và sứ mệnh

Tầm nhìn:

Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam với hệ thống quản trị khoa học và minh bạch, phát triển bền vững để trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên về lĩnh vực: Xây lắp ngành Bưu chính Viễn thông và các hoạt động ngành nghề khác ...

Sứ mệnh:

- Xây dựng và phát triển những công trình có chất lượng sống cao, thân thiện với môi trường thiên nhiên.
- Mang lại giá trị thặng dư cao nhất, sự “Thịnh vượng, Thành công” cho cổ đông và cán bộ, nhân viên của Công ty
- Gắn kết, chia sẻ với cộng đồng xã hội với tinh thần tương thân tương ái.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thông qua ngày 06/04/2012, được sửa đổi theo phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: Văn phòng Công ty, các Ban chức năng và đơn vị trực thuộc.

Văn phòng công ty: Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của BTGD, và các Ban chức năng.

- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thanh, Tp Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: 0510.3811811
- Fax: 0510.3811999

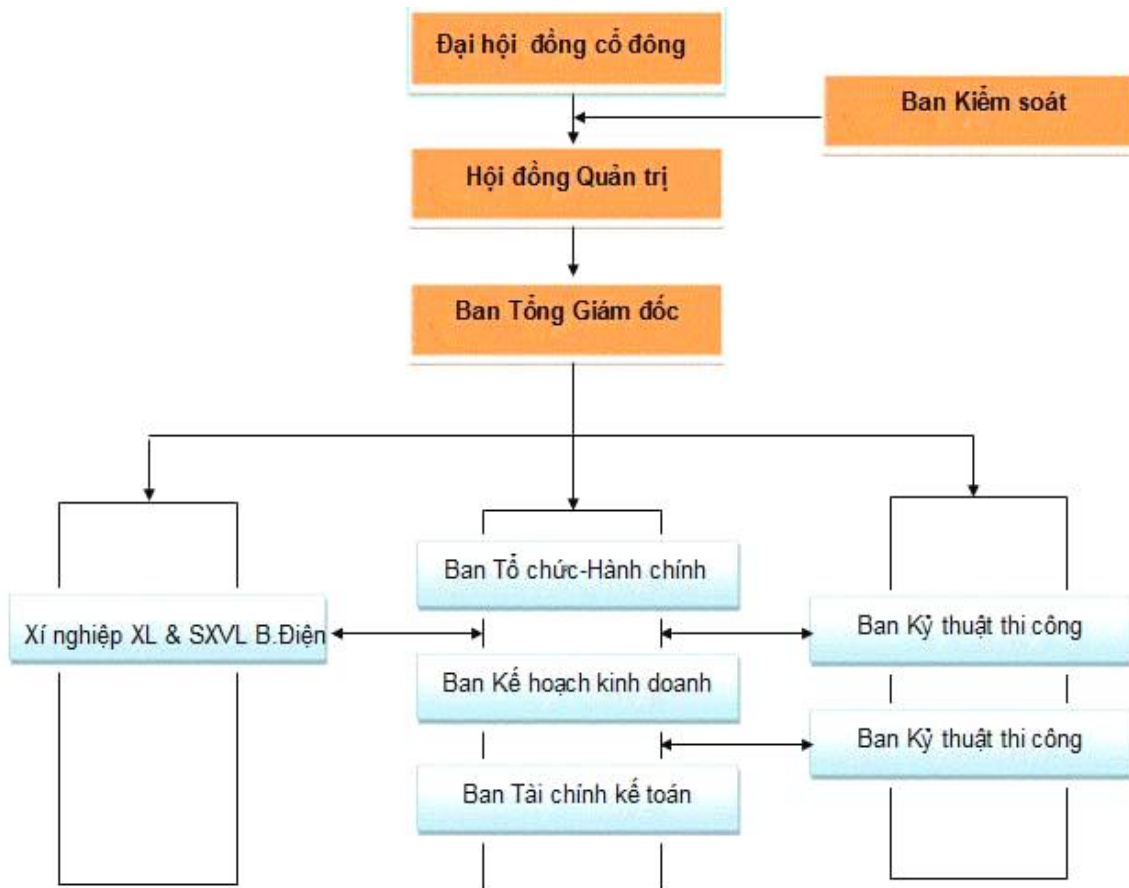
Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Xây lắp và Sản xuất vật liệu Bưu điện.

- Địa chỉ: Lô A6, cụm Công Nghiệp tam Đàn, huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: 0510.3845845
- Fax: 0510.3845845

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



❖ **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có các quyền hạn sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tăng giảm vốn điều lệ của Công ty.
- Thông qua định hướng phát triển trung và dài hạn của Công ty, báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS.
- Quyết định các vấn đề về bán, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, tuyên bố phá sản, gia hạn hoạt động của Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ

- ❖ **Hội đồng quản trị:** số thành viên HĐQT của Công ty gồm 03 thành viên. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền hạn sau:
 - Quyết định mục tiêu chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
 - Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức, khen thưởng, mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty; trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập, hợp nhất, giải thể, sáp nhập các công ty con; thành lập, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị trực thuộc Công ty.
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, phân phối lợi nhuận và thành lập các quỹ trên cơ sở nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ thông qua.
 - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

- ❖ **Ban kiểm soát:** BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty, trong việc chấp hành điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ.
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - Đề nghị chủ tịch HĐQT xem xét, chỉ định công ty kiểm toán độc lập kiểm toán hoạt động hàng năm của Công ty. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ.
 - Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- ❖ **Ban Tổng Giám đốc:** Ban TGD Công ty gồm 02 thành viên. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:
- Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
 - Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, chủ tịch HĐQT.
 - Tổ chức thực hiện các phương án kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty theo quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
 - Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Quyết định cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ khác thuộc thẩm quyền theo sự phân cấp của HĐQT.
 - Đề xuất và trình chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương phụ cấp của giám đốc các chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện tại nước ngoài theo thẩm quyền của chủ tịch HĐQT.
 - Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương hoặc ủy quyền cho giám đốc chi nhánh thực hiện đối với tất cả các chức danh còn lại trong Công ty.
 - Xây dựng quy chế về việc trích lập và sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, trình HĐQT phê chuẩn; báo cáo HĐQT về việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của Công ty.
 - Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.
- ❖ **Các phòng ban chức năng:** các phòng ban chức năng có chức năng tham mưu và giúp việc cho BTGD, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của BTGD.
- ✓ **Ban Tổ chức – Hành chính:** có trách nhiệm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế và các quy định của Nhà nước có liên quan đến người sử dụng lao động và người lao động.
- Nghiên cứu và đề xuất mô hình, cơ cấu tổ chức Công ty cho phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ.
 - Trình Tổng giám đốc công ty xem xét, quyết định hoặc trình các cấp có thẩm quyền phương án thành lập, giải thể hoặc sắp xếp lại tổ chức; dự thảo và trình Tổng giám đốc quyết định thành lập các Hội đồng, Ban, Đoàn và Tổ công tác của Công ty.
 - Dự thảo và trình Tổng giám đốc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban chức năng Công ty, quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, chi nhánh, các Hội đồng, Ban, Đoàn, Tổ công tác và các đơn vị trực thuộc.

- Bố trí sắp xếp cán bộ, tuyển dụng cán bộ và tham mưu cho lãnh đạo trong công việc đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ; thực hiện công tác đánh giá, nhận xét cán bộ hàng năm, tổng hợp các báo cáo về đội ngũ cán bộ.
- Xây dựng và trình Tổng giám đốc ban hành quy chế phân cấp quản lý cán bộ trong Công ty.
- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực toàn Công ty trong từng giai đoạn.
- Thực hiện công tác quản lý nhân lực: bao gồm tuyển dụng, tiếp nhận, điều động lao động, theo dõi sự biến động nhân sự trong toàn Công ty và quản lý hồ sơ cán bộ.
- Là thư ký của Hội đồng kỷ luật Công ty.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo ngắn, trung, dài hạn; tổ chức thực hiện đào tạo theo kế hoạch và theo dõi, đánh giá kết quả học tập của cán bộ.
- Xây dựng và trình Tổng giám đốc kế hoạch phát triển, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời kỳ.
- Thực hiện và hướng dẫn cán bộ được cử đi công tác làm các thủ tục xin Visa, Hộ chiếu khi cần thiết.
- Phối hợp với các đơn vị trong toàn Công ty và đầu mối tổ chức thực hiện việc đào tạo theo nhu cầu công việc của các đơn vị và Công ty.
- Quản lý công tác đào tạo, hồ sơ đào tạo theo phân cấp.
- Quản lý hợp đồng lao động, làm các thủ tục ký kết hợp đồng lao động theo quy định của Pháp luật.
- Xây dựng đơn giá tiền lương hàng năm để trình Tổng giám đốc phê duyệt. Xây dựng phương án và thực hiện giao đơn giá tiền lương và quyết toán quỹ tiền lương hàng năm cho các đơn vị của Công ty theo đúng qui định.
- Thực hiện công tác xếp lương, nâng bậc lương cho người lao động theo qui định của Nhà nước và Công ty.
- Xây dựng để Tổng giám đốc ban hành quy chế trả lương, trả thưởng phù hợp với quy định của Nhà nước và Công ty.
- Lập bảng lương, bảng quyết toán lương hàng tháng cho toàn bộ cán bộ của Công ty, tính thưởng và các chế độ khác đảm bảo việc trả lương, trả thưởng đúng theo quy chế trả lương, trả thưởng và quy định của Công ty. Quản lý tiền lương và thu nhập, thuế thu nhập cá nhân của người lao động.
- Nghiên cứu, đề xuất Tổng giám đốc phương án phân phối lại quỹ lương, phân phối tiền thưởng theo quy chế trả lương, trả thưởng đó được phê duyệt.
- Thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động và công tác bảo hộ lao động trong toàn Công ty.
- Thực hiện công tác Bảo hiểm xó hội, bảo hiểm y tế và các loại bảo hiểm khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty.
- Thực hiện công tác kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo qui định của Nhà nước và Công ty.
- Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong Công ty.

- Định kỳ trình Tổng giám đốc Công ty sửa đổi thoả ước lao động tập thể, nội qui lao động của Công ty.
 - Xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động phù hợp với qui định hiện hành của Nhà nước và Công ty.
 - Là uỷ viên thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Công ty, Hội đồng chất lượng, Hội đồng nâng bậc lương.
 - Thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ liên quan đến quản trị hành chính trong phạm vi Văn phòng Công ty và tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ về đối nội, đối ngoại của Công ty, trong các trường hợp được Lãnh đạo Công ty uỷ quyền.
 - Quản lý thông tin thông qua hệ thống điện thoại, fax, photocopy, mạng vi tính...toàn Công ty.
 - Quản lý toàn bộ tài sản, tài liệu tại Văn phòng Công ty.
 - Tiếp nhận, quản lý các văn bản, công văn giấy tờ, fax đến và đi, ghi sổ theo dõi về lưu trữ, in ấn tài liệu, văn bản, trực tiếp xử lý các văn bản được Giám đốc uỷ quyền; quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của Pháp luật.
 - Tổ chức lực lượng bảo vệ, giữ gìn an ninh, trật tự và thực hiện công tác PCCC tại khu vực cơ quan làm việc.
 - Mua sắm trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm cho Văn phòng Công ty; lo chỗ ăn nghỉ cho khách khi đến giao dịch hoặc hội nghị của Công ty.
 - Quản lý, điều hành, bố trí sắp xếp chương trình xe ô tô phục vụ công tác cho lãnh đạo và các Ban chức năng.
 - Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Công ty.
 - Tiếp nhận những đơn thư tố cáo, khiếu nại và đề xuất biện pháp giải quyết.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.
- ✓ **Ban tài chính Kế toán:** có trách nhiệm tham mưu cho BTGD trong việc thực hiện đúng các quy định của Luật Kế toán và các quy định của nhà nước liên quan đến hoạt động tài chính.
- Tham mưu, giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quản lý vốn do cổ đông đóng góp và thực hiện quyền giao lại cho các đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng các nguồn vốn của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Đề xuất phương án điều chỉnh các nguồn vốn cho các đơn vị trực thuộc khi thấy cần thiết.
 - Trực tiếp xây dựng và theo dõi thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm tại Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.
 - Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền quản lý, sử dụng vốn, tài sản, vật tư, tình hình lưu chuyển tiền tệ, công nợ, quan hệ tín dụng bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả bảo toàn và phát triển vốn thông qua số liệu báo cáo kế toán và sổ sách kế toán của các đơn vị trực thuộc, đề xuất với Tổng giám đốc các biện pháp và nội dung trong quá trình thực hiện quyền trên.

- Tham mưu cho HĐQT, Tổng giám đốc về mặt tài chính, việc bảo lãnh, phân phối lợi nhuận, hiệu quả sản xuất kinh doanh, giá cả trong việc liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua 1 phần hay toàn bộ tài sản của Công ty khác theo quy định của pháp luật.
- Tham mưu cho HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện quyền chuyển nhượng, thay thế, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty.
- Kiểm soát việc sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và có hiệu quả.
- Tham mưu HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện chủ trương huy động vốn trong và ngoài nước phục vụ sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của Nhà nước.
- Thực hiện việc thành lập, sử dụng các quỹ tập trung theo quy định của Nghị quyết Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty theo quy chế tài chính của Công ty và pháp lệnh kế toán thống kê.
- Tổ chức và hướng dẫn việc ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ bảo tồn vốn kinh doanh, quá trình kinh doanh, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.
- Thu thập, phân tích xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Tính và trích nộp đúng, kịp thời các khoản nộp Ngân sách, nộp thuế, cổ tức, các quỹ để lại Công ty. Thanh toán các khoản tiền vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả.
- Tổ chức hội đồng xác định, phản ánh kết quả kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ và tham mưu cho HĐQT, Tổng giám đốc để xử lý kiểm kê theo sự phân cấp quản lý.
- Hợp nhất báo cáo tài chính các đơn vị trực thuộc vào báo cáo Công ty; lập báo cáo tài chính toàn Công ty, báo cáo thuế, tổ chức công tác kiểm toán, báo cáo tài chính, công tác kiểm tra thuế, công tác công khai báo cáo tài chính hàng năm.
- Tổ chức kiểm tra, thẩm tra, hướng dẫn quyết toán tài chính các đơn vị trực thuộc và toàn Công ty, kiểm tra kế toán các đơn vị trực thuộc, phổ biến, hướng dẫn thi hành kịp thời các chế độ thể lệ tài chính - kế toán của Nhà nước và các quy định của Công ty.
- Yêu cầu các Ban chức năng, đơn vị trực thuộc, các bộ phận trong Công ty cung cấp số liệu, thông tin phục vụ cho công tác kế toán, kiểm soát nội bộ trong Công ty.
- Theo dõi, tham mưu về công tác chứng khoán và thị trường chứng khoán phục vụ cho mục tiêu phát triển của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.
- Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản và vốn trong toàn Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư theo điều lệ của Công ty và chế độ, chính sách của Nhà nước.
 - Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán công nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.
- ✓ **Ban Kế hoạch kinh doanh:** có trách nhiệm tham mưu cho BTGD trong công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tham mưu xây dựng các kế hoạch SXKD hàng quý, năm, kế hoạch trung hạn và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch của các Ban chức năng, các đơn vị trực thuộc tổng hợp và xây dựng kế hoạch tổng thể của Công ty bao gồm các lĩnh vực: Sản xuất kinh doanh, tài chính, lao động, xây lắp, đầu tư, nguồn vốn ... và các kế hoạch liên quan đến hoạt động của Công ty.
 - Trên cơ sở kế hoạch do Tổng giám đốc giao, thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc để báo cáo Tổng giám đốc.
 - Lập báo cáo thống kê định kỳ và đột xuất, báo cáo sơ kết, tổng kết năm của Công ty theo yêu cầu và quy định của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, Tập đoàn VNPT.
 - Thực hiện công tác tổng hợp, thống kê, theo dõi tình hình SXKD trong toàn Công ty. Quản lý số liệu Hợp đồng kinh tế trong toàn Công ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đó.
 - Tổ chức quản lý công tác thông tin kinh tế, bảo đảm bí mật các thông tin kinh tế đối với những người không có trách nhiệm để tránh thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Xây dựng, hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn của toàn Công ty.
 - Chủ trì và phối hợp với các Ban chức năng liên quan tiến hành các bước thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án do Công ty đầu tư theo trình tự quy định về chế độ chính sách hiện hành của ngành, Bộ xây dựng và Nhà nước quy định để trình duyệt kết quả đấu thầu trình Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.
 - Chủ trì kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo cùng với các Ban chức năng có liên quan để thẩm định, quyết toán các dự án đầu tư của Công ty để trình Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty.
 - Chủ trì soạn thảo các hợp đồng về mua bán chuyển nhượng, thanh lý hợp đồng thiết bị máy móc phục vụ thi công và các dự án do Công ty làm chủ đầu tư có sự phối hợp kiểm tra của các Ban chức năng có liên quan trước khi trình Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Tham mưu, theo dõi kiểm tra, hướng dẫn đôn đốc để giúp Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị việc quản lý nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc.
 - Tham mưu, thực hiện công tác nghiên cứu thị trường, xúc tiến kinh doanh, dự án đầu tư, sản phẩm, dịch vụ mới...đảm bảo mục tiêu SXKD của Công ty.
 - Triển khai công tác lập báo giá, dự toán thi công, khối lượng vật tư, hàng hóa...đảm bảo kế hoạch SXKD hàng ngày, tuần, quý, năm.
 - Thực hiện công tác nhập xuất vật tư, hàng hóa, thiết bị, lập dự toán, tạm ứng và thanh quyết toán các công trình xây lắp, kinh doanh dịch vụ khác.
 - Lập văn bản giao nhiệm vụ triển khai thi công, mua vật tư, tiến độ thi công đối với các công trình do Công ty ký kết và giao cho đơn vị trực thuộc, Ban Kỹ thuật
 - Thi công thực hiện.
 - Tổ chức tiếp thị với các chủ đầu tư để đăng ký tham gia dự thầu, nhận thầu, cung ứng vật tư sản phẩm dịch vụ.
 - Làm đầu mối tổ chức đấu thầu, dự thầu đối với các đối tác của Công ty. Xử lý hồ sơ dự thầu, hồ sơ năng lực Công ty.
 - Làm đầu mối tham mưu, tổ chức đầu tư mở rộng SXKD, XDCB của Công ty. Mua sắm, đầu tư tài sản cố định tại Văn phòng Công ty và tại các đơn vị trực thuộc trên 20 triệu đồng.
 - Trực tiếp làm công tác hợp tác quốc tế, đầu mối tổ chức các hội thảo, hội nghị kinh doanh và khách hàng.
 - Tham mưu cho Giám đốc trong công tác thương thảo và ký kết HĐKT.
 - Lập hồ sơ quyết toán công trình xây lắp, bảo vệ quyết toán với các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Đề xuất kiểm tra chất lượng công trình, tiến độ thi công công trình và các phần việc khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng do Công ty ký kết.
 - Đề xuất lựa chọn nhà thầu phụ, đơn vị thực hiện đối với các công trình do Công ty ký kết. Đề xuất tạm dừng hoặc loại bỏ nhà thầu phụ, đơn vị thực hiện đối với các công trình do Công ty ký kết hợp đồng khi có dấu hiệu vi phạm trong quá trình triển khai dự án.
 - Tham gia vào quá trình bàn giao các công trình đã hoàn thành cho chủ đầu tư, nghiên cứu, đề xuất về việc xây dựng và phát triển các loại hình SXKD theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.
- ✓ **Ban Kỹ thuật đo kiểm:** có trách nhiệm tham mưu cho BTGD trong công tác triển khai thi công.
- Xây dựng các chương trình ứng dụng khoa học phát triển công nghệ của Công ty.
 - Chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi các đơn vị trực thuộc về công tác nghiệp vụ theo chức năng được giao để tổng hợp báo cáo kết quả đó kiểm tra xử lý trình Tổng giám đốc.

- Tổng hợp các đề tài nghiên cứu công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng tiến bộ KHKT công trình chất lượng cao và các đề tài khác trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật thi công của Công ty và các đơn vị trực thuộc để trình Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc xét duyệt.
- Chủ trì Xây dựng thông qua hoặc trực tiếp chỉ đạo các biện pháp thi công các công trình đặc biệt quan trọng hoặc có yêu cầu đặc biệt mà phạm vi các đơn vị không đảm đương được.
- Thông tin phổ biến các quy trình quy phạm kỹ thuật mới cho các đơn vị. Biên soạn và hướng dẫn quy trình kỹ thuật nội bộ, tiêu chuẩn định mức vật tư kỹ thuật để các đơn vị thực hiện. Tham gia nghiên cứu, đề xuất về việc xây dựng và phát triển các loại hình SXKD theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp sáng kiến cải tiến, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của các đơn vị trực thuộc. Chủ trì xem xét những sáng kiến có giá trị làm lợi lớn hoặc có giá trị áp dụng rộng nhằm phổ biến áp dụng chung trong toàn Công ty.
- Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc các vấn đề liên quan đến xây lắp công trình, sản phẩm chất lượng cao.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật, lý lịch máy móc thiết bị của toàn Công ty. Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc trong công tác quản lý thiết bị, công tác bảo dưỡng, sửa chữa và sử dụng thiết bị. Đề xuất điều phối thiết bị thi công trong nội bộ Công ty phục vụ sản xuất.
- Đôn đốc, hướng dẫn việc xây dựng phương án phòng chống lụt bão của các đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo và kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác phòng chống lụt bão hàng năm.
- Tham gia giám sát, kiểm tra phương án kỹ thuật thi công, khối lượng các công trình của các đơn vị trực thuộc để báo cáo Tổng giám đốc Công ty.
- Tham gia giải quyết khiếu nại, khiếu cáo, báo cáo về kết quả thi công xây lắp các công trình, các mặt kỹ thuật trong công tác đầu tư, mua sắm, sản xuất các trang thiết bị, vật tư, kinh doanh hàng hóa thiết bị, ...theo chức năng của Công ty.
- Trực tiếp tổ chức triển khai thi công các công trình do Tổng giám đốc giao. Thường trực công tác triển khai thi công các công trình Bưu chính - Viễn thông, sản phẩm chất lượng cao như chuyển mạch, cáp quang và phụ trách công tác đo kiểm các thiết bị viễn thông.
- Kiểm tra, giám sát các tổ, đội thi công xây lắp; quản lý, theo dõi, hướng dẫn các thủ tục pháp lý theo đúng pháp luật, thể lệ thủ tục, quy trình, quy phạm xây dựng cơ bản, quy định của ngành BCVT.
- Lập phương án thi công các công trình, kiểm tra, xác nhận, báo cáo khối lượng thi công để làm cơ sở thanh toán kinh phí giá trị xây lắp đã hoàn thành với chủ đầu tư.
- Tổ chức nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành hoặc toàn bộ công trình hoàn thành và bàn giao các công trình đã hoàn thành cho chủ đầu tư. Lập hồ sơ hoàn

- công, phối hợp với các Ban chức năng có liên quan trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.
- Trực tiếp tham gia công tác tư vấn, thiết kế, thi công xây lắp các công trình theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty. Đề xuất các giải pháp thi công kỹ thuật, các thiết bị, vật tư chuẩn bị đưa vào quá trình SXKD kịp thời đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.
 - Tham gia đánh giá chất lượng, các biện pháp kỹ thuật thi công, sản phẩm vật tư, thiết bị công trình. Đề xuất biện pháp xử lý các phát sinh trong quá trình thi công, kiểm tra, xác lập các thủ tục, hồ sơ pháp lý để làm cơ sở thanh quyết toán công trình.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.
- ✓ **Ban Kỹ thuật thi công:** có trách nhiệm tham mưu cho BTGD trong công tác triển khai thi công.
- Trực tiếp tổ chức triển khai thi công các công trình do Tổng giám đốc giao. Thường trực công tác triển khai thi công các công trình truyền dẫn, trạm BTS, cống bê, mạng cáp...
 - Kiểm tra, giám sát các tổ, đội thi công xây lắp; quản lý, theo dõi, hướng dẫn các thủ tục pháp lý theo đúng pháp luật, thể lệ thủ tục, quy trình, quy phạm xây dựng cơ bản, quy định của ngành BCVT.
 - Lập phương án thi công các công trình, kiểm tra, xác nhận, báo cáo khối lượng thi công để làm cơ sở thanh toán kinh phí giá trị xây lắp đã hoàn thành với chủ đầu tư.
 - Tổ chức nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành hoặc toàn bộ công trình hoàn thành và bàn giao các công trình đã hoàn thành cho chủ đầu tư. Lập hồ sơ hoàn công, phối hợp với các Ban chức năng có liên quan trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.
 - Trực tiếp tham gia công tác tư vấn, thiết kế, thi công xây lắp các công trình theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty. Đề xuất các giải pháp thi công kỹ thuật, các thiết bị, vật tư chuẩn bị đưa vào quá trình SXKD kịp thời đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.
 - Tham gia đánh giá chất lượng, các biện pháp kỹ thuật thi công, sản phẩm vật tư, thiết bị công trình. Đề xuất biện pháp xử lý các phát sinh trong quá trình thi công, kiểm tra, xác lập các thủ tục, hồ sơ pháp lý để làm cơ sở thanh quyết toán công trình.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.

4. Cơ cấu cổ đông của Công ty.

Vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 31/03/2014 là 15.000.000.000 đồng, được chia thành 1.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 31/3/2014 như sau:

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	170	1.491.000	99,4%
	Tổ chức	3	660.650	44,04%
	Cá nhân	167	830.350	55,36%
2	Cổ đông nước ngoài	2	9.000	0,6%
	Cá nhân	2	9.000	0,6%
	Tổ chức	0	0	0
	Tổng cộng	1.500.000	1.500.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty do VSD cung cấp

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2014 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Số 57, Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	490.000	4.900.000.000	32,67
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế ABC	614 Lạc Long Quân, Tây Hồ, HN	150.600	1.506.000.000	10,04
	Tổng cộng:		640.600	6.406.000.000	42,71

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty do VSD cung cấp

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ vào Giấy CNĐKKD số 4000364082 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Số 57, Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	490.000	4.900.000.000	32,67
2	Huỳnh Tấn Chung	Lô 33, KDC số 6, Nguyễn Du, Tp Đà Nẵng	52.500	525.000.000	3,50
3	Trần Đình Chinh	54 Lê Lợi, Q. Hải Châu, Đà Nẵng	20.000	200.000.000	1,33
4	Trần Hoài Thanh	34 Thanh Long, Tp Đà Nẵng	20.500	205.000.000	1,37



Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)
5	Đình Công Trạng	03C Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	35.000	350.000.000	2,33
6	Lê Tự Minh	504/141/58 Phạm Văn Hai, Tân Bình, TP. HCM	0	0	0
7	Trần Bá Toàn	Nhị Trưng, Hội An, Quảng Nam	55.543	555.430.000	3,70
Tổng cộng:			673.543	6.735.430.000	44,90

Nguồn: Giấy CNĐKKD số 4000364082 cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 01/4/2014

*** Ghi chú:**

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch:

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh:

6.1. Các sản phẩm dịch vụ của Công ty

❖ Các loại sản phẩm:

- Sản xuất phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính viễn thông, tin học.
- Sản xuất sản phẩm cột bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông.

❖ Các loại dịch vụ:

- Thi công xây lắp các công trình Bưu chính Viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình xây lắp dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh – truyền hình.
- Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm định, chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành Bưu chính Viễn thông, điện, điện tử, điện lạnh và tin học.
- Mua bán vật tư, hàng hoá, thiết bị Bưu chính Viễn thông, điện tử, tin học, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học khác.
- Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học khác.
- Kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính viễn thông, tin học.

- Kinh doanh phát triển các dịch vụ bưu chính.
- Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính viễn thông, điện tử, tin học.
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất.

❖ **Thị trường của các sản phẩm dịch vụ:** Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Phú Yên, Khánh Hoà, Kontum, Daklak, Daknông, Huế, Quảng Bình, Quảng trị và Hà Tĩnh. Đối tác chính của Công ty là các Bưu điện Tỉnh, Thành phố, các công ty thông tin di động thuộc Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam.

6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

❖ **Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/2014	
		Giá Trị	Tỷ Trọng	Giá Trị	Tỷ Trọng	Giá Trị	Tỷ Trọng
1	Doanh thu bán hàng	2.021,9	20,23	150,5	1,35	0	0
2	Doanh thu dịch vụ	211,6	2,12	228,8	2,06	57,2	5,48
3	Doanh thu xây lắp	7.762,7	77,65	10.751,6	96,59	987,1	94,52
	Doanh thu thuần	9.996,2	100%	11.130,9	100%	1.044,3	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý I/2014

❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp:**

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/2014	
		Giá Trị	Tỷ Trọng/ /DTT	Giá Trị	Tỷ Trọng /DTT	Giá Trị	Tỷ Trọng /DTT
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng	17,6	0,18	58,1	0,52	0	0
2	Lợi nhuận gộp từ dịch vụ	110,7	1,11	143,1	1,29	31	2,97
3	Lợi nhuận gộp từ xây lắp	938,7	9,39	1.589,2	14,28	86,8	8,31
	Tổng cộng	1.067	10,68	1.790,4	16,09	117,8	11,28

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý I/2014

6.3. Nguyên vật liệu

❖ **Nguồn nguyên vật liệu**

Các vật liệu để thi công xây lắp do các nhà cung cấp tại Đà Nẵng và địa phương (địa điểm thi công công trình).

Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
Vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép, đá, cát, sỏi)	Công ty thép Nhân Luật, Đại lý vật liệu xây dựng tại địa phương
Các cấu kiện, thiết bị chuyên ngành Bưu chính viễn thông	Nhà máy Thiết bị Bưu điện; tự sản xuất tại Xí nghiệp Sản xuất vật liệu Bưu điện

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Những nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty chủ yếu là những nhà cung cấp vật tư xây dựng, vật tư chuyên ngành Bưu chính viễn thông trong nước. Nguồn cung cấp vật liệu phục vụ thi công của Công ty rất ổn định do các nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty, chủ yếu là vật liệu xây dựng, luôn sẵn có cũng như phong phú về chủng loại và chất lượng. Bên cạnh đó Công ty còn có Xí nghiệp Sản xuất vật liệu Bưu điện chuyên trách sản xuất các cấu kiện phục vụ thi công như khung bể, nắp đan, cột bê tông, cột ăng ten, ... với chất lượng cao, đảm bảo phục vụ mọi công trình khi cần thiết.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong kết cấu chi phí của một doanh nghiệp xây dựng, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Như đã trình bày ở trên, giá cả nguyên vật liệu xây dựng trong thời gian vừa qua có nhiều biến động theo chiều hướng tăng mạnh do một số nguyên nhân sau:

- Thị trường bất động sản nóng lên sau một thời gian trầm lắng;
- Giá nhiên liệu (xăng, dầu...), giá điện tăng làm tăng chi phí sản xuất của các nhà cung cấp nguyên vật liệu, chi phí sản xuất khiến cho giá các nguyên vật liệu cũng bị tăng lên tương xứng.

6.4. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần:

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Q1/2014	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1	Giá vốn hàng bán	8.929,3	89,33	9.340,4	83,91	926,4	88,71
2	Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0
3	Chi phí quản lý DN	1.964,3	19,65	1.863,7	16,74	373,7	35,78
4	Chi phí hoạt động tài chính	80,6	0,81	-86,3	-0,78	8,3	0,79
	Tổng	10.974,2	109,79	11.117,8	99,87	1.308,5	125,28

6.5. Trình độ công nghệ

Công ty QTC là một trong số ít các đơn vị chủ động đầu tư các thiết bị kỹ thuật cần thiết phục vụ thi công với mục tiêu đi trước một bước so với các doanh nghiệp cùng ngành tại Khu vực Miền Trung Tây nguyên. Với thiết bị thi công hiện đại, đội ngũ nhân công lành nghề, QTC có khả năng sử dụng những công nghệ thi công công trình viễn thông có yêu cầu kỹ thuật cao tại Việt Nam hiện nay.

Trình độ công nghệ của Công ty được thể hiện qua danh mục các tài sản cố định của Công ty và một số công trình mà Công ty đã tham gia thi công.

Danh mục TSCĐ có giá trị lớn của Công ty thời điểm 31/03/2014.

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tổng tài sản	Năm trích khấu hao	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I.	Máy móc thiết bị		2.133.250.635	818.741.441
1	Thiết bị hàn nối cáp sợi quang	2008	204.288.000	2.837.356
2	Máy đo và định vị lỗi cáp sợi quang	2009	139.650.000	1.939.606
3	Máy đo anten, công suất	2011	258.045.970	153.648.335
4	Máy hàn nối sợi quang	2013	132.300.000	115.395.000
5	Dây chuyên đúc cột bê tông ly tâm	2007	1.398.966.665	544.921.144
II.	Phương tiện vận tải		1.937.678.611	0
1	Xe INOVA 92K 5377	2006	434.062.545	0
2	Xe INOVA 92K 6667	2007	446.782.802	0
3	Xe Camry 92K 3868	2007	356.000.000	0
4	Xe TOYOTA 92K-4747	2005	212.000.000	0
5	Xe tải KIA 92K-5711	2007	217.672.381	0
6	Xe Hyundai 15 tấn 92K-2665	2002	271.160.883	0
III	Nhà cửa vật kiến trúc		3.349.796.653	1.373.678.560
1	Trụ sở công ty tại Tam Kỳ	2004	1.929.811.209	987.367.945
2	BTS Cam Hải Tây	2008	203.682.474	8.486.786
3	Nhà xưởng SX cột bê tông	2007	1.064.155.651	377.823.829
4	Trạm BTS Mỹ Ca	2008	152.147.319	0
	Tổng cộng		7.420.725.899	2.192.420.001

Nguồn: QTC

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

❖ Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Công ty đã và đang đẩy mạnh được công tác quản lý chất lượng, tiến độ thi công từng công trình, hạng mục công trình.

Việc giám sát, quản lý chất lượng, tiến độ công trình được phân công cụ thể tới từng đồng chí lãnh đạo trong Công ty. Các đồng chí được phân công nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra hiện trường hàng tuần, họp giao ban với Chủ đầu tư. Tư vấn giám sát, Ban quản lý công trình để kịp thời nắm bắt tình hình, có các biện pháp chỉ đạo quyết liệt nếu cần thiết.

Đối với những công trình có giá trị, quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Công ty đã thành lập các Ban điều hành trực tiếp chỉ huy tại hiện trường, đơn đốc kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, thanh quyết toán, thực hiện nghiêm túc công tác nghiệm thu nội bộ. Công ty duy trì kiểm tra hiện trường, duy trì tốt công tác nghiệm thu nội bộ.

Một số công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, tính chất phức tạp. Công ty đã phối hợp chặt chẽ với đội công trình lập biện pháp thi công, tiến độ chi tiết và tuân thủ tuyệt đối trong quá trình thi công.

Các nguồn vật tư chính đưa vào sử dụng cho công trình đều được Công ty giám sát chặt chẽ về chất lượng cũng như số lượng thông qua các hợp đồng cung cấp mà Công ty trực tiếp ký kết. Qua đó, Công ty cũng đã quản lý chặt chẽ được quá trình giải ngân mua vật tư.

Công ty thường xuyên duy trì chế độ báo cáo tình hình thi công định kỳ để lãnh đạo Công ty nắm bắt và có biện pháp điều chỉnh kịp thời khi cần thiết.

Công tác chỉ đạo thi công, quản lý chất lượng công trình trong năm 2013 đã có những chuyển biến tích cực.

❖ **Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Như đã đề cập ở trên, việc đảm bảo chất lượng và tiến độ của các công trình được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty thành lập các Ban quản lý dự án để theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện của từng dự án, đảm bảo giám sát, kiểm tra chất lượng từ khâu nhập nguyên vật liệu cho đến kỹ thuật tổ chức thi công theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư.

Bên cạnh đó, đầu thầu và quản lý dự án của Công ty có trách nhiệm giúp lãnh đạo Công ty điều hành hoạt động xây lắp, theo dõi tiến độ và đảm bảo chất lượng các công trình do Công ty thi công.

6.7. Hoạt động Marketing

Thị trường truyền thống của QTC hiện nay vẫn là thị trường miền Trung. Tuy nhiên, về lâu dài chiến lược của Công ty là duy trì thị trường truyền thống, mở rộng, phát triển thị trường ra các tỉnh miền núi phía Bắc, các tỉnh miền Nam.

Cho đến nay Công ty đã thực hiện thi công các công trình tại tất cả các tỉnh miền Trung. Trong thời gian tới Công ty xác định sẽ hoạt động trong tất cả các ngành nghề theo đăng ký kinh doanh theo hướng tập trung vào hoạt động xây lắp Bưu chính - Viễn thông, tiếp cận và mở rộng thị trường hoạt động, đồng thời chú trọng phát triển các lĩnh vực khác như xây lắp các công trình phát thanh truyền hình, kinh doanh nhà, xây lắp dân dụng...

Công ty đã có nhiều hoạt động khuyến khích trương hình ảnh ra bên ngoài như tham gia niêm yết trên SGDCK Hà Nội, quảng cáo trên tạp chí chuyên ngành, tham gia các buổi hội thảo chuyên ngành do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tổ chức, tích cực hoàn thiện các điều kiện để được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008. Những hoạt động này đã giúp Công ty xây dựng được hình ảnh một công ty đại chúng đến với công chúng đầu tư và mọi người quan tâm.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền

Logo và nhãn hiệu Công ty:



Nhãn hiệu và logo của Công ty đã được đăng ký bản quyền theo Đăng ký số 9486 2 cấp theo Quyết định số 1040/QĐ-SHTT ngày 18/01/2008 của cục Sở hữu trí tuệ.

6.9. Các Hợp đồng lớn đang và đã được thực hiện hoặc đã được ký kết :

Dưới đây là một số hợp đồng có giá trị lớn Công ty đã và đang thực hiện:

Tên hợp đồng	Tổng giá trị	Giá trị do nhà	Thời gian	Tên cơ quan ký hợp đồng
	HĐ trước thuế (đ)	thầu thực hiện T.thuế (đ)	thực hiện hợp đồng	
Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng 04 trạm BTS Cam Ranh 27, Nha Trang 109, Vạn Dã 4, Vạn Long 3 - tỉnh Khánh Hoà thuộc pha 327 năm 2012 - Trung tâm TTĐĐ khu vực III	1.759.399.877	1.232.570.245	28/12/2012 (60 ngày)	Trung Tâm Thông tin di động KV III
Xây dựng cơ sở hạ tầng trạm BTS Nha Trang 106 tỉnh Khánh Hòa thuộc pha 327 năm 2012	604.948.276	574.882.490	21/11/2013 (45 ngày)	Trung Tâm Thông tin di động KV III
Lắp đặt Pin mặt trời cho trạm BTS thôn 8 xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng	255.000.000	254.999.582	06/9/2013 (30 ngày)	Trung tâm Dịch vụ Viễn thông KVIII



Tên hợp đồng	Tổng giá trị HĐ trước thuế (đ)	Giá trị do nhà thầu thực hiện T.thuế (đ)	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tên cơ quan ký hợp đồng
Nam				
Thi công kéo cáp quang phục vụ cho VMS thuê kênh truyền dẫn các trạm BTS đợt 1 - Kế hoạch đợt 1 VMS, Viễn thông Quảng Nam năm 2013	608.759.412	535.233.272	01/3/2013 (30 ngày)	Viễn thông Quảng Nam
Thi công tuyến cột và cáp để đấu chuyển phục vụ di dời mạng Viễn thông dọc quốc lộ 1a do mở đường theo yêu cầu chính quyền địa phương tại km987 - km990+200 và km1011 - km1015	278.215.000	282.702.194	27/5/2013 (30 ngày)	Viễn thông Quảng Nam
Thi công kéo cáp quang phục vụ cho VMS thuê kênh truyền dẫn các trạm BTS đợt 3 - Kế hoạch đợt 1 VMS, Viễn thông Quảng Nam năm 2013	479.082.000	444.388.994	28/6/2013 (30 ngày)	Viễn thông Quảng Nam
Khắc phục thiệt hại do bão số 11 gây ra dọc QL1A đoạn qua TTVT Thăng Bình; đoạn: từ ngã 3 Tam Thành - Hương An	313.205.000	220.385.935	16/11/2013 (30 ngày)	Viễn thông Quảng Nam
Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, sơn tháp Anten Đài phát sóng An Hà	633.200.000	633.200.000	28/10/2013 (45 ngày)	Đài Phát Thanh Truyền Hình Quảng Nam
Di dời tuyến công bê, cột, cáp ra khỏi hành lang GPMB do mở đường DT 609 đoạn từ Ngã tư ái Nghĩa đến Ngã ba Lạc Thành	214.934.320	210.454.495	05/12/2013 (30 ngày)	Viễn thông Quảng Nam
Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng 01 trạm BTS Vạn Long 3 - tỉnh Khánh Hoà thuộc pha 327 năm 2012 - Trung tâm TTDĐ khu vực III	430.000.000	430.000.000	25/03/2014 (60 ngày)	Trung Tâm Thông tin di động KV III
Dịch chuyển CSHT mở rộng QL1A đoạn qua huyện Quế Sơn	1.450.000.000	1.450.000.000	05/03/2014 (60 ngày)	Viễn thông Quảng Nam
Dịch chuyển CSHT mở rộng QL1A đoạn qua huyện Núi Thành	1.880.000.000	1.880.000.000	15/01/2014 (60 ngày)	Viễn thông Quảng Nam
Dịch chuyển CSHT mở rộng QL1A đoạn qua Thị trấn Núi	2.100.000.000	2.100.000.000	15/01/2014 (60 ngày)	Viễn thông Quảng Nam



Tên hợp đồng	Tổng giá trị HĐ trước thuế (đ)	Giá trị do nhà thầu thực hiện T.thuế (đ)	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tên cơ quan ký hợp đồng
Thành				
Dịch chuyển CSHT mở rộng QL1A đoạn qua huyện Ninh Hòa-tỉnh Khánh Hòa	2.000.000.000	2.000.000.000	20/01/2014 (60 ngày)	Viễn thông Khánh Hòa
Thi công kéo cáp quang truy nhập mạng ODN-Viễn thông Quảng Nam 2014	1.550.000.000	1.550.000.000	02/05/2014 (60 ngày)	Viễn thông Quảng Nam
Thi công kéo cáp quang cho các trạm VMS-Viễn thông Quảng Nam 2014	600.000.000	600.000.000	09/05/2014 (60 ngày)	Viễn thông Quảng Nam

Nguồn: QTC

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh của công ty năm 2012, 2013 và quý I/2014:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% +/- 2013/2012	Quý I/2014
1	Tổng giá trị tài sản	23.068.015.542	37.767.162.335	164	30.549.585.552
2	Doanh thu thuần	9.996.274.594	11.130.925.625	111,35	1.044.303.951
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 662.391.534	521.911.935	0	-230.790.584
4	Lợi nhuận khác	787.011.679	-128.245.094	0	-500.000
5	Lợi nhuận trước thuế	124.620.145	393.666.841	315,89	-231.290.584
6	Lợi nhuận sau thuế	124.620.145	393.666.841	315,89	-231.290.584
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý I/2014

Ý kiến kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2013:***Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược***

- Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tính đến ngày 31/12/2013 là 885.323.759 đồng.
- Như trình bày tại mục (*) tại thuyết minh số 8 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi phí của một số công trình đã nghiệm thu, quyết toán và ghi nhận doanh thu nhưng vẫn phản ánh tại khoản mục “Hàng tồn kho” của Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 số tiền 422.262.095 đồng.

Nếu hạch toán đầy đủ các khoản chi phí nêu tại mục (1) và (2) theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu “Hàng tồn kho” sẽ giảm đi 422.262.095 đồng, chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” sẽ tăng thêm 885.323.759 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi 1.307.585.854 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” của Công ty lỗ 913.919.013 đồng chứ không phải lãi 393.666.841 đồng như đã trình bày.

- Một số khoản nợ phải thu 6.003.122.312 đồng và nợ phải trả 2.043.577.029 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2013. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, Báo cáo tài chính đã không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7.2. Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo***Khó khăn:***

- ✓ Doanh thu năm 2013 giảm so với kế hoạch đề ra do các đơn vị trong ngành VNPT cắt giảm nguồn vốn đầu tư và sửa chữa khá lớn.
- ✓ Giá cả vật tư, vật liệu trong nước thường mất ổn định, tăng giảm thất thường gây ảnh hưởng rất lớn đối với các gói thầu xây lắp có giá trị vật tư, vật liệu chiếm tỷ trọng lớn dẫn đến hiệu quả thấp.
- ✓ Lĩnh vực sản xuất và thương mại gặp nhiều khó khăn, do nhu cầu đầu tư giảm.
- ✓ Do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế và lạm phát tạo cho Chủ đầu tư cũng lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính trong việc chi trả và giải ngân lại càng chậm hơn, dẫn đến lượng vốn Công ty trang trải phải bỏ ra ban đầu rất lớn, nhưng không thu hồi kịp.

Thuận lợi:

- ✓ Hiện nay Công ty vẫn giữ vững được thương hiệu QTC mạnh ở khu vực Miền Trung.
- ✓ Công ty có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động, có uy tín và quan hệ lâu năm với chủ đầu tư.
- ✓ Có thị trường ổn định tại khu vực miền trung (từ Hà Tĩnh đến Khánh Hòa).
- ✓ Lực lượng chủ chốt có trình độ chuyên môn cao, gắn bó lâu dài với công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Trong cơ cấu tổ chức của VNPT tại mỗi tỉnh, thành phố đều có ít nhất một đơn vị có chức năng thi công, xây lắp công trình. Với điều kiện đó, thị phần xây lắp của QTC trong Tập đoàn Bưu chính - Viễn Thông Việt Nam chiếm tỷ lệ nhỏ.

Do vẫn còn những yếu tố độc quyền Nhà nước trong lĩnh vực bưu chính viễn thông, xu hướng cạnh tranh của thị trường xây lắp bưu chính viễn thông trong 5 năm tới là cạnh tranh giữa các đơn vị xây lắp chuyên ngành trong nước. Các đối thủ cạnh tranh của QTC bao gồm chủ yếu các công ty xây lắp chuyên ngành bưu chính viễn thông thuộc VNPT và một số ít các đơn vị khác ngoài Tập đoàn BC-VT.

Khối xây lắp của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam hiện bao gồm 3 thành viên của Tập đoàn và khoảng 55 công ty xây lắp thuộc các bưu điện tỉnh, thành phố; trong đó các công ty xây lắp của các bưu điện tỉnh, thành phố chỉ chiếm một thị phần nhỏ.

Những công ty xây lắp được xếp loại mạnh của lĩnh vực bưu chính viễn thông hiện nay gồm có:

- ✓ Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội (HACISCO)
- ✓ Công ty Công trình Bưu điện thuộc VNPT.
- ✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Bưu điện Hà Nội.
- ✓ Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện (thành lập theo Luật Doanh nghiệp).
- ✓ Công ty Điện tử viễn thông Quân đội.
- ✓ Công ty Xây lắp Bưu điện TP. Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên có thể nói uy tín và năng lực cạnh tranh của Công ty vẫn được đánh giá rất cao và giữ một vị thế quan trọng trong ngành xây lắp bưu chính viễn thông, nguyên nhân là do:

QTC là một trong số ít đơn vị xây lắp Bưu chính - Viễn Thông có truyền thống, có đội ngũ công nhân kỹ thuật cao, đủ năng lực thi công các công trình viễn thông hiện đại, là một doanh nghiệp có địa bàn hoạt động rộng trên các tỉnh Miền trung Tây nguyên về lĩnh vực xây lắp các công trình Viễn thông.

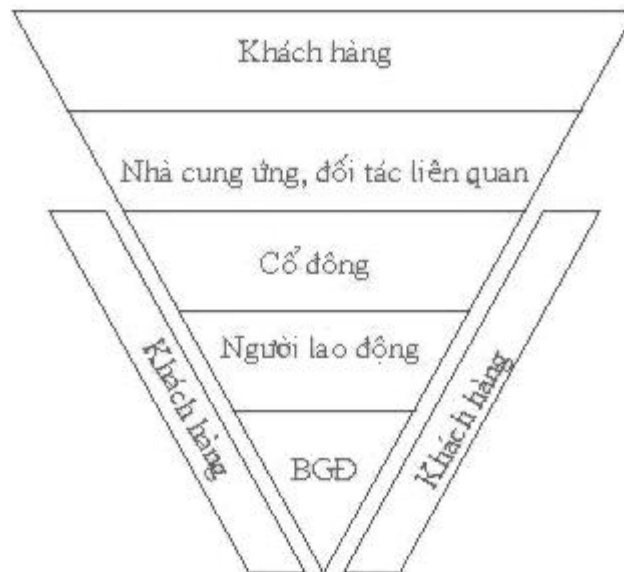
8.2. Triển vọng phát triển của ngành

- ✓ Giai đoạn 2014-2016: Tiếp tục thực hiện chủ trương tăng cường củng cố và duy trì hoạt động xây lắp, từng bước chuyển hoá sang lĩnh vực đầu tư, phù hợp với mục tiêu của công ty. Xây dựng công ty theo định hướng thành công ty đầu tư bằng cách tiếp tục củng cố và duy trì sự phát triển vững chắc trong hoạt động xây lắp, tạo tiền đề cho hoạt động đầu tư của Công ty, đầu tư chính là nguồn của xây lắp, sự kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư và xây lắp tạo thành một mô hình cung cầu khép kín theo phương châm truyền thống của ngành, từ đó tạo nên sức mạnh trong cạnh tranh và phát triển Công ty.
- ✓ Nâng cao năng lực đầu tư, tập trung vào những dự án có quy mô vừa và nhỏ phù hợp với năng lực của Công ty, đặc biệt chú trọng đến dự án của công ty đầu tư phát triển kinh doanh hạ tầng Khu dân cư mà Công ty xin được làm nhà đầu tư. Như vậy, một mặt giúp Công ty vừa nâng cao tỷ trọng đầu tư mặt khác giúp Công ty nhanh chóng, tiếp cận, thích ứng quy trình đầu tư từ đó nâng cao nghiệp vụ, chất lượng của Công ty trong hoạt động đầu tư.
- ✓ Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục sắp xếp, củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong và lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên, lấy đó làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.
- ✓ Lĩnh vực thi công xây lắp: Trong chiến lược chuyển dần Công ty sang hoạt động đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng. Công ty xác định sẽ tiếp tục duy trì ở mức phù hợp lĩnh vực truyền thống là hoạt động xây lắp ngành viễn thông, tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động khác của Doanh nghiệp.
- ✓ Lĩnh vực dịch vụ: Đi cùng với các sản phẩm xây lắp thì Công ty sẽ phải phát triển hệ thống dịch vụ chăm sóc khách hàng, tiến tới chuyên nghiệp hóa trong hoạt động truyền thống của ngành.
- ✓ Lĩnh vực đầu tư: Hoàn thiện các hạng mục đầu tư Khu dân cư Sơn Xuyên, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam với chất lượng tốt nhằm nâng cao uy tín của Công ty trong lĩnh vực bất động sản. Đồng thời Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án tự tìm kiếm các dự án khác.

8.3. Định hướng phát triển của công ty

❖ Mục tiêu

- ✓ Thoả mãn nhu cầu chính đáng của quý khách hàng.
- ✓ Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị xây lắp chu yên ngành mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình lớn trong nước và khu vực .
- ✓ Cung cấp kịp thời các giải pháp, thiết bị và dịch vụ tốt nhất.
- ✓ Phát triển quan hệ đối tác trên cơ sở hai bên cùng có lợi.
- ✓ Sự thành công, hài lòng của khách hàng là thước c đo uy tín và hiệu quả của Công ty.
- ✓ Vì quyền lợi của cổ đông.



Khách hàng luôn là ưu tiên số 01 trong định hướng phát triển của công ty. Mục tiêu vì khách hàng luôn là quan tâm hàng đầu, bao quát và tôn chỉ liên quan đến toàn bộ cơ cấu hoạt động và kinh doanh của công ty. Quyền lợi của đối tác và cổ đông cũng được đặt lên trên lợi ích của nhân viên và cán bộ trong công ty, cho thấy một chính sách đặt uy tín lên hàng đầu luôn là kim chỉ nam trong hoạt động điều hành của ban giám đốc

❖ **Các biện pháp thực hiện:**

- ✓ Kiện toàn bộ máy quản lý và quy trình quản lý của Công ty, với phương châm giao việc đi đôi với trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi.
- ✓ Tăng cường công tác đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ làm công tác đấu thầu và quản lý dự án, quản lý tài chính, cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo kỹ sư tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tổ chức các lớp học ngoại ngữ ngoài giờ ngay tại Công ty. Thu hút và khuyến khích nhân tài bằng các chính sách như nâng cao thu nhập, cổ phiếu thưởng, bán căn hộ trả góp...tạo nhiều cơ hội cho các cán bộ trẻ thăng tiến.
- ✓ Tăng cường công tác tiếp thị và thu thập thông tin để tìm các cơ hội đầu tư bất động sản, đầu tư với nhiều hình thức linh hoạt như: tự đầu tư liên doanh, liên kết, thực hiện hợp tác đầu tư với các nhà đầu tư nước ngoài có tiềm lực nhằm nâng cao hiệu quả của các dự án. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư các dự án văn phòng, khu đô thị mới, khu Công nghiệp tại Tỉnh Quảng Nam và các tỉnh thành phố khác có lợi thế.
- ✓ Tìm kiếm và thực hiện các cơ hội đầu tư vào các công ty khác thông qua sàn giao dịch chứng khoán, và đấu giá cổ phần. Tiếp tục tham gia góp vốn vào các Dự án đầu tư của Tổng công ty.
- ✓ Phát hành cổ phiếu ra công chúng để thu hút vốn đầu tư, mỗi đợt phát hành được gắn với dự án đầu tư cụ thể để quản lý và phát huy hiệu quả vốn đầu tư và giữ lòng tin của cổ đông.
- ✓ Tiếp tục việc đầu tư máy móc, thiết bị để tăng cường năng lực thi công xây lắp của Công ty.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

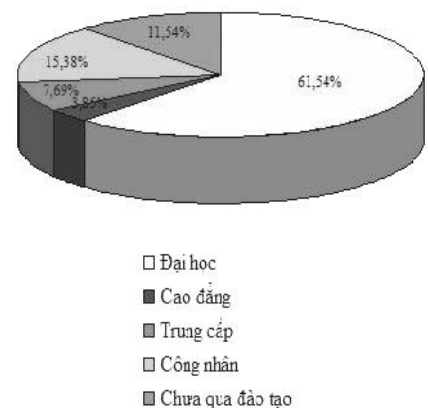
- ✓ Định hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới là sẽ tập trung mọi nguồn lực để thực hiện đầu tư, xây dựng Khu dân cư Sơn Xuyên, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Sau khi dự án này đưa vào khai thác, Công ty sẽ tiếp tục các dự án khác tại tỉnh Quảng Nam. Bên cạnh đó, Công ty sẽ vẫn tiếp tục mảng sản xuất kinh doanh chính là Xây lắp chuyên ngành Bưu chính viễn thông.
- ✓ Định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chung của tỉnh Quảng Nam. Với định hướng như trên, Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tin tưởng sẽ đạt được các mục tiêu đề ra, tiếp tục tăng trưởng cao hơn trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1. Số người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/03/2014 là **26** người, với cơ cấu phân theo trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ	26	100%
Đại học	16	61,54%
Cao đẳng	1	3,85%
Trung cấp	2	7,69%
Công nhân	4	15,38%
Chưa qua đào tạo	3	11,54%
Theo loại hợp đồng	26	100%
Không xác định thời hạn	23	88,46%
Xác định thời hạn	3	11,54%
Theo giới tính	26	100%
Nam	21	80,77%
Nữ	5	19,23%



9.2. Các chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h, từ 11h30 đến 13h00 đối với các bộ phận văn phòng. Đối với cán bộ và công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, đảm bảo đáp ứng tiến độ thị công, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đầy đủ chế độ đãi ngộ cho người lao động.

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

9.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Định kỳ dựa trên nhu cầu lao động, Công ty tiến hành thi tuyển với các tiêu chí đặt ra gồm: trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đạt yêu cầu từ khá trở lên.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực làm việc của CBCNV. Công ty thường xuyên cử các cán bộ đi đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tư vấn giám sát, đấu thầu, quản lý dự án, tin học và ngoại ngữ.

- ✓ Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao. phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- ✓ Đào tạo tại nơi làm việc: hình thức này được áp dụng phổ biến cho công nhân trực tiếp sản xuất. Công nhân mới vào, tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.
- ✓ Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

9.2.3. Chính sách tiền lương

- ✓ Công ty tự xây dựng thang bảng lương và đã đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội tỉnh Quảng Nam. Khi lương tối thiểu Nhà nước tăng thì lương của CBCNV cũng sẽ tăng tương ứng. Người lao động làm ở vị trí công việc nào thì hưởng lương theo vị trí công việc đó.
- ✓ Đến hạn nâng lương người lao động được trình xét nâng lương đúng niên hạn.
- ✓ Hưởng lương sản phẩm đối với công việc khoán theo sản phẩm, chất lượng và hiệu quả công việc.

- ✓ Hàng tháng Công ty trả lương thành 2 kỳ, 1 lần giữa tháng (ngày 15) và 1 lần cuối mỗi tháng.
- ✓ Tiền lương làm thêm giờ được Công ty chi trả như sau:
 - Làm vào ngày thường, ít nhất bằng 150% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.
 - Làm vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.
 - Làm vào ngày Lễ, Tết, ít nhất bằng 300% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.
 - Thu nhập bình quân năm 2013 của CBCNV Công ty là 4,2 triệu đồng/người/tháng. Dự kiến trong năm 2014, mức thu nhập bình quân của CBCNV Công ty có thể ở mức tương đương năm 2013 và phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của năm 2014.

9.2.4. Chính sách tiền thưởng

- ✓ Vào các dịp lễ, Tết Công ty đều có thưởng cho người lao động, mức thưởng tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- ✓ Tổng kết cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc, người lao động được bình xét thi đua khen thưởng.

9.2.5. Chính sách phúc lợi

- ✓ Các trường hợp nghỉ chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức..) Công ty đều thanh toán 100% lương cơ bản.
- ✓ Lao động nữ sau khi sinh được Công ty trợ cấp 1,5 tháng lương tối thiểu chung của nhà nước (ngoài trợ cấp bảo hiểm xã hội).

10. Chính sách cổ tức

- ✓ Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.
- ✓ Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 16/04/2013 đã thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2012, ĐHĐCĐ đã quyết định không chia cổ tức năm 2012. Những năm tiếp theo Công ty tiếp tục thực hiện chính sách cổ tức theo định hướng ổn định lâu dài và ưu tiên đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

11. Tình hình hoạt động tài chính:

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- ✓ TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- ✓ Nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- ✓ TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 24/05/2013 của Bộ Tài chính:
- ✓ Thời gian khấu hao ước tính của TSCĐ

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 20
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

- ✓ Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2013, Công ty có khoản nợ phải trả với tổng giá trị là: 16.663.195.033 đồng.
- ✓ Số liệu đến ngày 31/03/2014 là 9.676.908.854 đồng.

Căn cứ các điều khoản thanh toán của Hợp đồng kinh tế giữa Công ty và các đơn vị liên quan, thì Công ty và các đơn vị liên quan đều thanh toán đúng thời hạn như qui định trong hợp đồng đã ký kết.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

- ✓ Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà đất và tiền thu thuê đất.

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
1	Thuế giá trị gia tăng	282.781.552	153.630.740	122.001.203
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0
3	Thuế thu nhập cá nhân	827.023	827.023	827.023
4	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	0	0
5	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	0
Tổng cộng:		283.608.575	154.457.763	122.828.226

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý I/2014

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

- ✓ Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
- ✓ Năm 2012, 2013 Công ty không thực hiện trích lập các nguồn quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu vì: Do lợi nhuận của các năm 2012, 2013 không đạt chỉ tiêu như kế hoạch đề ra nên công ty không thực hiện trích lập các nguồn quỹ nói trên.

11.1.5. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/03/2014, căn cứ theo báo cáo tài chính, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

- Vay và nợ ngắn hạn: 1.647.378.932 đồng
- Vay và nợ dài hạn: 0 đồng

11.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 và Báo cáo tài chính Quý I/2014, tình hình công nợ của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

- ✓ **Các khoản phải thu:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	Quý I/2014
1	Phải thu khách hàng	8.193.000.222	11.002.427.129	8.192.825.054
2	Trả trước cho người bán	143.000.450	122.068.850	107.705.850
3	Các khoản phải thu khác	609.037.721	5.675.296.301	7.063.791.498
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	0	0	0
Tổng cộng:		8.945.038.393	16.799.792.280	15.364.322.402

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý I/2014

✓ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	Quý I/2014
I	Nợ ngắn hạn	2.277.315.081	16.555.522.306	9.626.454.308
1	Vay và nợ ngắn hạn	0	5.527.378.932	1.647.378.932
2	Phải trả cho người bán	1.287.129.197	9.079.216.280	5.706.497.250
3	Người mua trả tiền trước	6.409.855	1.128.560.430	1.834.377.930
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	283.608.575	154.457.763	122.828.226
5	Phải trả người lao động	732.399.129	773.030.290	0
6	Chi phí phải trả	0	0	0
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	94.650.508	66.710.794	502.304.153
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-126.882.183	-173.832.183	-186.932.183
II	Nợ dài hạn	80.400.000	107.672.727	50.454.546
1	Phải trả dài hạn người bán	0	0	0
2	Doanh thu chưa thực hiện	80.400.000	107.672.727	50.454.546
3	Vay và nợ dài hạn	0	0	0
4	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0	0
Tổng cộng:		2.357.715.081	16.663.195.033	9.676.908.854

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý I/2014

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	8,65	2,09
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	7,72	1,59
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,10	0,44
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,11	0,79
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,23	1,80



+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,43	0,37
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,25	3,54
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,88	6,60
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,29	0,54
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	- 6,63	4,69

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý I/2014

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

12.1. Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT của Công ty:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Viết Hà	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại diện vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
2	Trần Hoài Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Trần Đình Chinh	Thành viên Hội đồng quản trị

12.1.1. Họ và tên	: Nguyễn Viết Hà
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 31/12/1969
CMND số	: 205659807; cấp ngày 15/08/2009; Công an tỉnh Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
Chỗ ở hiện tại	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Điện tử viễn thông.
Chức vụ công tác hiện nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty
Chức vụ ở các tổ chức khác	: Phó Giám đốc - Viễn thông Quảng Nam

Quá trình công tác :

- ✚ Từ 01/1995 - 12/1996: Kỹ sư Công ty Thiết kế Bưu điện Q.Nam Đà Nẵng.
- ✚ Từ 01/1997 - 06/1997: Phó trưởng phòng KTNV Viễn thông QNam Đà Nẵng.
- ✚ Từ 07/1997 - 05/2001: Phó Trưởng phòng quản lý Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2001 - 08/2006: Trưởng phòng quản lý Viễn thông tin học BĐ QNam
- ✚ Từ 09/2006 - 10/2006: Phó trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 11/2006 - 12/2007: Trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2008 - 11/2009: Trưởng phòng Đầu tư Viễn thông Quảng Nam
- ✚ Từ 17/11/2009 đến nay: Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	12.450 cổ phần (chiếm 0,83% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC ĐKGD	Không

12.1.2. Họ và tên

: Trần Hoài Thanh

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/12/1972
CMND số	: 201224593; cấp ngày 20/08/2009; Công an TP Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Hòa Cường - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng;
Chỗ ở hiện tại	: 34 Thanh Long - Phường Thanh Bình - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế.
Chức vụ công tác hiện nay	: Ủy viên TT HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty
Chức vụ ở các tổ chức khác	: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cp Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ 09/1997 - 01/2002, Kế toán viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 02/2002 - 06/2009, Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN Xây lắp, Xí nghiệp QTC2.



- ✚ Từ 07/2009 - 12/2011, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp QTC3.
- ✚ Từ 01/2012 - 03/2014, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- ✚ Từ 04/2014 đến nay, Tổng giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	20.500 cổ phần (chiếm 1,37% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC ĐKGD	Không

12.1.3. Họ và tên	: Trần Đình Chinh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 12/02/1965
CMND số	: 200534747; cấp ngày 13/05/2008; Công an TP Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Tổ 9, Phường Tam Thuận, Quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng;
Chỗ ở hiện tại	: KDC Bưu điện, Phường Hòa Thuận, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện tử viễn thông.
Chức vụ công tác hiện nay	: Ủy viên HĐQT
Chức vụ ở các tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	:

- ✚ Từ 1997 - 01/2002, Chuyên viên phòng QLVT-TH Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 02/2002 - 03/2006, Phó Giám đốc Công ty
- ✚ Từ 04/2006 - 09/2010, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp QTC1.
- ✚ Từ 10/2010 - 03/2014, Tổng Giám đốc Công ty.
- ✚ Từ 04/2014 đến nay, Ủy viên HĐQT nguyên Tổng giám đốc Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	20.000 cổ phần (chiếm 1,33% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không



Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC ĐKGD	Không

12.2. Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên BTGD, Kế toán trưởng của Công ty

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Hoài Thanh	Tổng giám đốc
2	Lưu Văn Minh Thành	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Thị Hoài Nhân	Phụ trách Kế toán

12.2.1. **Họ và tên** : **Trần Hoài Thanh**

Như trình bày tại mục 12.1.2

12.2.2. **Họ và tên** : **Lưu Văn Minh Thành**

Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 24/05/1975
 CMND số : 205144037; cấp ngày 02/07/2011; Công an Quảng Nam cấp.
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;
 Chỗ ở hiện tại : Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân cao đẳng KT Viễn thông
 Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty
 Chức vụ ở các tổ chức khác : Không có
 Quá trình công tác :

- ✚ Từ 10/1995-12/2002, Kỹ thuật viên Bưu điện huyện Hiệp Đức-Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2003-04/2004, Kỹ thuật viên Công ty Điện báo điện Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2004-04/2005, Chuyên viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2005-09/2006, Phó phòng QL Thi công Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 10/2006-09/2010, Phó Giám đốc Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 10/2010-12/2011, Giám đốc Xí nghiệp QTC1- Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2012-11/03/2014, Trưởng Ban KTTC - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam .
- ✚ Từ 12/03/2014 đến nay, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	8.000 cổ phần (chiếm 0,53% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

12.2.3. Họ và tên**: Nguyễn Thị Hoài Nhân**

Giới tính

: Nữ

Ngày tháng năm sinh

: 10/02/1977

CMND số

: 201347816; cấp ngày 30/9/1994; Công an
: Quảng Nam Đà Nẵng cấp.

Dân tộc

: Kinh

Quốc tịch

: Việt Nam

Địa chỉ thường trú

: KDC Biên Phòng, Tam Kỳ, Quảng Nam

Chỗ ở hiện tại

: KDC Biên Phòng, Tam Kỳ, Quảng Nam

Trình độ văn hoá

: 12/12

Trình độ chuyên môn

: Trung cấp Kế toán

Chức vụ công tác hiện nay

: Phụ trách Kế toán Công ty

Chức vụ ở các tổ chức khác

: Không có

Quá trình công tác

:

- ✚ Từ 08/2003-04/2004: Giao dịch Bưu điện - Chi nhánh Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 05/2004-03/2006: Kế toán viên TC - Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 04/2006-09/2010: Kế toán viên TC - Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 10/2010-23/03/2012: Kế toán trưởng - Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✚ Từ 24/03/2012 đến nay: Phụ trách Kế toán Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty

Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân

0 cổ phần (chiếm 0% VDL)

Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan

Không

Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)

Không

Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết

Không

12.3. Ban Kiểm soát**Danh sách thành viên BKS của Công ty**

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Ngọc Hiệp	Trưởng BKS
2	Nguyễn Đông	Thành viên BKS
3	Nguyễn Trí Bày	Thành viên BKS

12.3.1. Họ và tên**: Phạm Ngọc Hiệp**

Giới tính

: Nam

Ngày tháng năm sinh

: 02/04/1971

CMND số

: 201167387; cấp ngày 05/09/2001; Công an TP Đà Nẵng cấp.

Dân tộc

: Kinh

Quốc tịch

: Việt Nam

Địa chỉ thường trú

: Hoà Xuân - Hoà Vang - Tp Đà Nẵng

Chỗ ở hiện tại

: K69/16 Bùi Thị Xuân - An Trung - Q.Sơn Trà - Tp Đà Nẵng

Trình độ văn hoá

: 12/12

Trình độ chuyên môn

: Cử nhân Toán-Tin học, Cử nhân kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay

: Trưởng BKS Công ty

Chức vụ ở tổ chức khác

: Kế toán trưởng Viễn thông Quảng Nam

Quá trình công tác

:

- ✚ Từ 11/1995 – 03/2002 Kế toán viên Bưu điện Hội An - Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 04/2002 – 04/2004 Kế toán trưởng Bưu điện Hội An - B.Điện Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2004 - 05/2004 Phó phòng Kiểm toán nội bộ Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✚ Từ 06/2004 - 01/2005 Phó phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ BĐ Quảng Nam
- ✚ Từ 02/2005 - 04/2007 Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ BĐ Quảng Nam
- ✚ Từ 05/2007 - 08/2007 Phó trưởng phòng Kế toán Cty ĐBĐT -BĐ Quảng Nam
- ✚ Từ 09/2007 - 12/2007 Trưởng phòng Kế toán Cty ĐBĐT -BĐ Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2008 - 12/2008 Trưởng phòng Kế toán Bưu điện Quảng Nam
- ✚ Từ 01/2009 đến nay Kế toán trưởng Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty

Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân





5.250 cổ phần (chiếm 0,35% VDL)

Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan

Không

Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)

Không

Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không
12.3.2. Họ và tên	: Nguyễn Đông
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/01/1973
CMND số	: 201131809; cấp ngày 20/09/2007; Công an TP Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Thôn Trà Kiềm - Hoà Phước - Hoà Vang - Đà Nẵng
Chỗ ở hiện tại	: Thôn Trà Kiềm - Hoà Phước - Hoà Vang - Đà Nẵng
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế - Kế toán
Chức vụ công tác hiện nay	: Thành viên BKS Công ty
Chức vụ ở tổ chức khác	: Giám đốc Tài chính - Công ty Cp Đầu tư & Sản xuất Việt Hàn
Quá trình công tác	:
 Từ 11/1997 - 05/2001, Nhân viên Kế toán Bưu điện Duy Xuyên - Bưu điện Quảng Nam	
 Từ 06/2001 - 11/2003, Kiểm toán viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam	
 Từ 12/2003 - 02/2007 Kế toán trưởng Công ty Cp Xây lắp & Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.	
 Từ 03/2007 đến nay Giám đốc Tài chính Công ty Cp Đầu tư & Sản xuất Việt Hàn	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	3.750 cổ phần (chiếm 0,25% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không
12.3.3. Họ và tên	: Nguyễn Trí Bảy
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 1967
CMND số	: 205181580; cấp ngày 20/07/2001; Công an Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh



Quốc tịch	:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	:	Khối phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam
Chỗ ở hiện tại	:	Khối phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật
Chức vụ công tác hiện nay	:	Thành viên BKS Công ty Kỹ thuật viên TT Viễn thông Tam Kỳ-
Chức vụ ở tổ chức khác	:	Phú Ninh thuộc Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:	
<ul style="list-style-type: none"> ✚ Từ 05/1991 - 10/1991, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Duy Xuyên - Bưu điện Quảng Nam ✚ Từ 11/1991 - 11/1996, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Thăng Bình - Bưu điện Quảng Nam ✚ Từ 12/1996 - 06/1997, Kỹ thuật viên chuyển mạch Bưu điện Tam Kỳ - Bưu điện Quảng Nam ✚ Từ 07/1997 - 03/1998, Kỹ thuật viên Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam ✚ Từ 04/1998 - 08/2002, Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư - Bưu điện Quảng Nam ✚ Từ 09/2002 - 02/2004, Chuyên viên Phòng Kế hoạch kinh doanh - Bưu điện Quảng Nam ✚ Từ 03/2004 - 05/2005, Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam ✚ Từ 06/2005 - 12/2007, Phó trưởng Trung tâm Kinh doanh và Phát triển mạng lưới dịch vụ viễn thông CNTT Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam ✚ Từ 01/2008 - 06/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Trung tâm Viễn thông 1 - Viễn thông Quảng Nam ✚ Từ 07/2010 - 12/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Viễn thông Núi Thành - Viễn thông Quảng Nam ✚ Từ 01/2011 - 11/2012, Chuyên viên phòng KTTH-Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam ✚ Từ 12/2012 đến nay, Kỹ thuật viên -Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam 		
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	:	2.750 cổ phần (chiếm 0,18% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	:	Không

Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

13. Tài sản:*Giá trị tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2013:**Đơn vị tính: đồng*

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ Hữu hình	9.203.760.703	6.865.360.136	2.338.400.567
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.340.810.691	1.923.781.529	1.417.029.162
2	Máy móc, thiết bị	3.284.045.475	2.387.751.339	896.294.136
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.117.910.446	2.117.910.446	0
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	460.994.091	435.916.822	25.077.269
II	TSCĐ thuê tài chính	0	0	0
1	Máy móc, thiết bị	0	0	0
III	TSCĐ vô hình	0	0	0
1	Quyền sử dụng đất	0	0	0
Tổng cộng:		9.203.760.703	6.865.360.136	2.338.400.567

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC quý I/2014**Giá trị tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/03/2014:**Đơn vị tính: đồng*

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ Hữu hình	9.203.760.703	6.996.990.149	2.206.770.554
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.340.810.691	1.975.618.919	1.365.191.772
2	Máy móc, thiết bị	3.284.045.475	2.463.364.416	820.681.059
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.117.910.446	2.117.910.446	0
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	460.994.091	440.096.368	20.897.723
II	TSCĐ thuê tài chính	0	0	0
1	Máy móc, thiết bị	0	0	0
III	TSCĐ vô hình	0	0	0
1	Quyền sử dụng đất	0	0	0
Tổng cộng:		9.203.760.703	6.996.990.149	2.206.770.554

*Nguồn: QTC***14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:**

Căn cứ vào những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới và triển vọng phát triển của ngành, cùng với việc đánh giá những tiềm năng và vị thế hiện tại của mình, Công ty đã đưa ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho năm 2014 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	
			Giá trị	% tăng giảm so với năm 2013
1	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	15.000	15.000	-
2	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	11.130	25.050	225,06
3	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	393	2.400	610,68
4	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3,53	9,58	-
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	2,62	16,00	-
6	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	0	10	-

Nguồn: QTC

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2014 được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thông qua, ĐHCĐ thường niên năm 2014 sẽ được tổ chức vào tháng 6/2014.

Nhìn chung, dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm 2014 được xây dựng trên cơ sở là các hợp đồng đã được ký kết. Mặt khác, Công ty đã đưa dự án KDC vào khai thác quỹ đất để tạo nguồn doanh thu và xây dựng thêm phần cơ sở hạ tầng của dự án. Vì vậy doanh thu phần khai thác đất và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án đã góp phần vào tăng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cho năm 2014 như đã nêu tại mục: “Đầu tư dự án”. Dự kiến lợi nhuận sau thuế phần khai thác đất và xây dựng hạ tầng kỹ thuật của dự án vào kế hoạch lợi nhuận năm 2014 là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

- Xây dựng QTC thành một công ty cổ phần mạnh, bao gồm các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ và bất động sản đem lại nhiều lợi ích cho cổ đông và người lao động, phát triển bền vững và liên tục.
- Phát triển sản xuất các mặt hàng chủ lực của Công ty là: Xây lắp Viễn thông, kinh doanh bất động sản...
- Công ty luôn tập trung vào khách hàng, cải tiến hệ thống quản trị, áp dụng công nghệ phù hợp để tăng chất lượng, dịch vụ đem lại lợi ích cho khách hàng. Thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, đạt hiệu quả tốt nhằm phát triển bền vững.

Đánh giá về kết quả doanh thu, lợi nhuận của Quý I năm 2014 so với kế hoạch:

- Doanh thu: 1.044.303.951 đồng, đạt 4,17% so với kế hoạch năm 2014
- Lợi nhuận sau thuế: - 231.290.604 đồng

Do đặc thù chung của ngành xây lắp thường quyết toán công trình vào giai đoạn cuối năm, nhưng tất cả các chi phí liên quan đến công trình đã phát sinh. Vì vậy dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của Quý I năm 2014 đạt kết quả rất thấp.

❖ Kế hoạch đầu tư:

Nghiên cứu các dự án cơ sở hạ tầng vừa và nhỏ tại khu vực tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận.

❖ Kế hoạch tài chính:

Kế hoạch tài chính năm 2014: Công ty sẽ sử dụng vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác dùng cho vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu.

❖ Đầu tư dự án:

Đầu tư Dự án Khu dân cư Sơn Xuyên tại thị trấn Vĩnh Điện, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam:

Khái quát dự án:

- **Tổng diện tích của dự án** : **22.313 m²**
 - Trong đó: + Đất khai thác : 8.719,9 m²
 - + Đất tái định cư : 759,5 m²
 - + Đất thương mại dịch vụ : 394,5 m²
 - + Đất ở chính trang : 6.966 m²
 - + Đất giao thông và HTKT : 5.473,1 m²
- **Tổng vốn đầu tư** : **24.144.334.841 đồng**
 - Doanh thu từ khai thác đất : 26.318.182.000 đồng
 - Nộp ngân sách nhà nước (Tiền đất thô) : 441.362.419 đồng
 - Lợi nhuận của doanh nghiệp : 1.732.484.740 đồng
 - Ngoài ra ước lợi nhuận từ xây lắp HTKT : 2.600.000.000 đồng
- **Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp Quản lý dự án
- **Nguồn vốn đầu tư:** Vận dụng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và nguồn vốn vay từ các Ngân hàng.
- **Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2013 - 2015

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch:

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký giao dịch:

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**1. Loại chứng khoán:**

Cổ phiếu phổ thông



2. Mã chứng khoán:

QCC

3. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phiếu (*Mười nghìn đồng/một cổ phiếu*)

4. Tổng số chứng khoán ĐKGD:

Tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch là 1.500.000 cổ phiếu (*Một triệu năm trăm cổ phiếu*), tổng trị giá theo mệnh giá là 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*).

5. Phương pháp tính giá:

5.1. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013 và 31/03/2014:

Giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty cổ phần xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của một cổ phần} &= \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}} \\ &= \frac{21.103.967.302}{1.500.000} \\ &= \mathbf{14.069 \text{ đồng}} \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty cổ phần xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam tại thời điểm 31/03/2014 như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của một cổ phần} &= \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}} \\ &= \frac{20.872.676.698}{1.500.000} \\ &= \mathbf{13.915 \text{ đồng}} \end{aligned}$$

5.2. Phương pháp tính giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu QCC trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định theo phương pháp bình quân giá cơ sở của 10 phiên trước ngày hủy niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Lịch sử giao dịch của cổ phiếu QCC như sau:

Ngày giao dịch	Giá cổ phiếu
12/05/2014	2.600 đồng/cổ phiếu
13/05/2014	2.800 đồng/cổ phiếu
14/05/2014	3.000 đồng/cổ phiếu
15/05/2014	2.700 đồng/cổ phiếu
16/05/2014	2.500 đồng/cổ phiếu
19/05/2014	2.700 đồng/cổ phiếu
20/05/2014	2.500 đồng/cổ phiếu
21/05/2014	2.700 đồng/cổ phiếu
22/05/2014	2.500 đồng/cổ phiếu
23/05/2014	2.700 đồng/cổ phiếu
Bình quân 10 phiên	2.670 đồng/cổ phiếu

Kết luận: Căn cứ giá giao dịch bình quân 10 phiên trước khi hủy niêm yết, Công ty quyết định giá giao dịch dự kiến của một cổ phiếu QCC trong ngày giao dịch đầu tiên là: **2.600 đồng/cổ phiếu**.

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

- ✓ Căn cứ theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam thì: “nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu bên nước ngoài được phân theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại”.

Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua ngày 06/04/2012 và có hiệu lực từ ngày 06/04/2012 không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Tính đến thời điểm Công ty nộp hồ sơ đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, Công ty có 2 cổ đông là pháp nhân, thể nhân là bên nước ngoài nắm giữ 0,6%.

6. Các loại thuế có liên quan:

❖ Thuế giá trị gia tăng:

- Thuế suất: tùy theo mặt hàng kinh doanh: 5%, 10% và 0% được quy định tại luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng.
- Khai và nộp thuế: thực hiện hàng tháng bởi quy định của luật quản lý thuế
- Hoàn thuế: Công ty thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau



❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%/năm.
- Khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: theo quy định của luật quản lý thuế: khai thuế tạm tính và nộp hàng quý, khai quyết toán năm.

❖ **Các loại thuế khác:** Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

2. Tổ chức kiểm toán:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Địa chỉ: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3655886
Fax: 0511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ GCNĐKKD của Công ty;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Công ty;
3. **Phụ lục III:** BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC quý I/2014.

Quảng Nam, ngày tháng 05 năm 2014

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
BƯU ĐIỆN QUẢNG NAM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VIỆT HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN HOÀI THANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHẠM NGỌC HIỆP

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

NGUYỄN THỊ HOÀI NHÂN